

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

Bản án số: 05/2018/HSST

Ngày: 05/3/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Bích Thơ

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1- Ông Nguyễn Hoàng Minh

2- Ông Phạm Văn Liệt

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Xuân - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Trong các ngày 28 tháng 02 và ngày 05 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 54/2017/HSST ngày 29/12/2017 đối với bị cáo: Nguyễn Văn N, sinh năm: 1985; Nơi cư trú: Ấp T, xã M, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 00/12; Cha: Nguyễn Văn Đ (chết); Mẹ: Nguyễn Thị M (chết); Gia đình có 01 người anh và 02 người chị; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Tạm giữ: ngày 11/11/2017; Tạm giam: ngày 14/11/2017, Bị cáo đang bị tạm giam và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Công ty TM chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại là:* Ông Trần Quốc T - Giám đốc Công ty TM chi nhánh tỉnh Đồng Tháp.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:* Chị Trần Kim H, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: Số 142, đường n, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang, căn cứ giấy ủy quyền ngày 14/11/2017.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Phan Minh N, sinh năm: 1987; Nơi cư trú: Khóm 4, phường 1, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Anh Nguyễn Minh S, sinh năm : 1978; Nơi cư trú: Khóm B, thị trấn T, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

3. Anh Đào Văn U, sinh năm : 1991 ; Nơi cư trú : Ấp B, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

4. Chị Lê Nhựt T, sinh năm : 1992 ; Nơi cư trú : Ấp L, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Chị Huỳnh Thị Huỳnh N1, sinh năm: 1997; Nơi cư trú : Ấp 1, xã M, huyện B, tỉnh Đồng Tháp.

6. Chị Nguyễn Thị Yến N2, sinh năm: 1988; Nơi cư trú : Ấp 1, xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

7. Ông Nguyễn Thế P, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

8. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1958; Nơi cư trú : Ấp 2, xã M, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

9. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1972; Nơi cư trú: Ấp A, xã P, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Bị hại vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, tất cả người làm chứng vắng mặt tại phiên toà, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21h ngày 11/11/2017, Nguyễn Văn N sau khi uống rượu tại nhà ông Phạm Văn T cùng với ông Nguyễn Thế P, Nguyễn Văn R ở ấp Tân Thuận A, xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Sau đó bị cáo đi bộ về hướng thị trấn Thanh Bình đến cửa hàng điện thoại V thuộc khóm Tân Đông B, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thấy cửa hàng còn mở cửa bán bị cáo vào cửa hàng hỏi mua điện thoại hỏi giá xong, bị cáo đi ra ngoài khoảng 10 phút bị cáo nảy sinh ý định trộm điện thoại, nên bị cáo quay lại cửa hàng. Bị cáo đi vào bên trong cửa hàng để quan sát và yêu cầu nhân viên tên Phan Minh N lấy điện thoại cảm ứng màu vàng đồng hiệu OPPO F3 có gắn chui sạc pin điện thoại và kết nối với hệ thống chống trộm đang trưng bày trên bàn cách cửa ra vào khoảng 2m để đưa bị cáo xem và bị cáo thống nhất mua với giá 6.990.000đ. Anh N quay đi khoảng 2m để lấy điện thoại giống như điện thoại bị cáo xem, lợi dụng lúc anh N bỏ đi, bị cáo rút chui sạc pin điện thoại, kết nối hệ thống chống trộm bỏ chạy ra cửa tàu thoát thì chuông báo động reo lên, các nhân viên bán hàng phát hiện tri hô, bắt giữ giao nộp cho công an thị trấn, sau đó bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo kết luận định giá số 107 ngày 12/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Bình kết luận: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F3 màu vàng đồng, giá trị: 6.600.000đ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Về vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu vàng đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình đã trả lại cho bị hại xong (*Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 24/11/2017 của Công an huyện Thanh Bình bút lục số 41*).

- 01 (một) con dao xếp dài 21cm, cán dao bằng mũ nhựa màu vàng dài 12cm, trên con dao có gắn 01 chìa khóa, đã thu giữ của bị cáo N, con dao này của chị Nguyễn Thị L, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình đang quản lý (*Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình*).

Về bồi thường thiệt hại: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại chị Trần Kim H đã nhận lại tài sản bị trộm không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự, có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Văn N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình truy tố tại Bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 29 tháng 12 năm 2017, về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như hồ sơ vụ án, khi đến cửa hàng điện thoại V xem điện thoại và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, lợi dụng lúc nhân viên cửa hàng sơ hở trong quản lý nên lén lút trộm điện thoại. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội theo cáo trạng của Viện kiểm sát, rất hối hận về hành vi của bị cáo, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa, luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như bản cáo trạng. Căn cứ tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, nay là khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 09 tháng đến 12 tháng tù giam, phần bồi thường trách nhiệm dân sự bị hại không yêu cầu nên không xem xét, áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 (một) con dao xếp dài 21cm, cán dao bằng mũ nhựa màu vàng dài 12cm, trên con dao có gắn 01 chìa khóa.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng bị cáo rất ăn năn về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án nhẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về pháp luật áp dụng: Do hành vi của bị cáo N phạm tội vào ngày 11/11/2017 đến ngày 28/02/2018 Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình mở phiên tòa xét xử đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Căn cứ Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật ngày 01/01/2018, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội nội dung điều luật quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015 giống nhau nên áp dụng pháp luật theo quy định Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về pháp luật tố tụng: Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị hại vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, người làm chứng vắng mặt đã có lời khai trong hồ sơ nên không gây trở ngại đến việc giải quyết vụ án, áp dụng Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt bị hại, người làm chứng.

[4] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ kết luận vào lúc khoảng 21h ngày 11/11/2017, tại cửa hàng điện thoại V chi nhánh huyện Thanh Bình, bị cáo N lén lút trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu vàng đồng, giá trị tài sản chiếm đoạt tại thời điểm phạm tội là 6.600.000đ (*Sáu triệu, sáu trăm nghìn đồng*) đủ yếu tố cấu thành “**Tội trộm cắp tài sản**” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, nay là khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 như Viện kiểm sát huyện Thanh Bình đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định luật.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của chủ sở hữu lén lút trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu xài, hành vi bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương.

Xét đề nghị về hình phạt, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình là chưa phù hợp với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo. Vì tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã giao trả lại cho bị hại và bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Về nhân thân của bị cáo cha mẹ mất sớm, từ nhỏ sống chung

với chú ruột, không được sự giáo dục tốt từ gia đình, không được đi học, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật kém.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy nên giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo so với đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp chính sách khoan hồng của pháp luật và nguyên tắc xử lý của Bộ luật hình sự được quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 3; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo kém, bị cáo không có khả năng tự cải tạo được, nên cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc và cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung là có căn cứ phù hợp với quy định của Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị bị cáo chiếm đoạt, không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu OPPO F3 màu vàng đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Bình đã trả lại cho bị hại xong (Biên bản về việc trả lại tài sản ngày 24/11/2017 của Công an huyện Thanh Bình bút lục số 41) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) con dao xếp dài 21cm, cán dao bằng mũ nhựa màu vàng dài 12cm, trên con dao có gắn 01 chìa khóa, đã thu giữ của bị cáo N, con dao này của chị Nguyễn Thị L, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình đang quản lý (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình) áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 giao trả lại cho chị L.

[7] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội “ *Trộm cắp tài sản* ”

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 06 (Sáu) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày bắt tạm giữ (Ngày 11 tháng 11 năm 2017), tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn N để đảm bảo thi hành án hình sự.

2/ Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 (một) con dao xếp dài 21cm, cán dao bằng mũ nhựa màu vàng dài 12cm, trên con dao có gắn 01 chìa khóa, hiện Chi cục Thi

hành án dân sự huyện Thanh Bình đang quản lý (Biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình).

3/ Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo Nguyễn Văn N phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết bản án hoặc kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CA huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- Bị cáo; bị hại;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Bích Thơ